

Nội dung bài viết

1. [B. Hoạt động hình thành kiến thức - Bài: Tổng kết phần văn học thư \(điện\) chúc mừng và thăm hỏi](#)
2. [C. Hoạt động luyện tập - Bài: Tổng kết phần văn học thư \(điện\) chúc mừng và thăm hỏi](#)

**B. Hoạt động hình thành kiến thức - Bài: Tổng kết phần văn học thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi**

**1. Đọc văn bản**

**2. Tìm hiểu văn bản**

a) Ghi lại vào vở tên các tác phẩm, tác giả, thể loại của các tác phẩm (hoặc đoạn trích) văn học Việt Nam trung đại được học và đọc thêm trong chương trình Ngữ văn THCS theo bảng sau:

	Tác phẩm	Tác giả	Thể loại
<b>Văn học chữ Hán</b>			
<b>Văn học chữ Nôm</b>			

**Bài làm:**

	Tác phẩm	Tác giả	Thể loại
<b>Văn học chữ Hán</b>	Con hổ có nghĩa	Vũ Trinh	Truyện ngắn
	Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng	Hồ Nguyên Trừng	Truyện ngắn
	Sông núi nước Nam	Lí Thường Kiệt	Thơ
	Phò giá về kinh	Trần Quang Khải	Thơ
	Thiên Trường vãn vọng	Trần Nhân Tông	Thơ
	Côn Sơn Ca	Nguyễn Trãi	Thơ
	Chiếu dời đô	Lí Công Uẩn	Chiếu
	Bình Ngô đại cáo	Nguyễn Trãi	Cáo
	Hịch tướng sĩ	Trần Quốc Tuấn	Hịch
	Bàn luận về phép học	Nguyễn Thiếp	Tấu

	Chuyện người con gái Nam Xương	Nguyễn Dữ	Truyện ngắn
	Chuyện cũ trong phủ chú Trịnh	Phạm Đình Hồ	Tùy bút
	Hoàng Lê nhất thống chí	Ngô gia văn phái	Tiểu thuyết
<b>Văn học chữ Nôm</b>	Sau phút chia li	Đoàn Thị Điểm	Thơ
	Bánh trôi nước	Hồ Xuân Hương	Thơ
	Qua Đèo Ngang	Bà Huyện Thanh Quan	Thơ
	Bạn đến chơi nhà	Nguyễn Khuyến	Thơ
	Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác	Phan Bội Châu	Thơ
	Đập đá ở Côn Lôn	Phan Châu Trinh	Thơ
	Muốn làm thằng Cuội	Tản Đà	Thơ
	Hai chữ nước nhà	Trần Tuấn Khải	Thơ
	Chị em Thúy Kiều	Nguyễn Du	Truyện thơ
	Cảnh ngày xuân	Nguyễn Du	Truyện thơ
	Kiều ở lầu Ngưng Bích	Nguyễn Du	Truyện thơ
	Kiều ở lầu Ngưng Bích	Nguyễn Du	Truyện thơ
	Thúy Kiều báo ân báo oán	Nguyễn Du	Truyện thơ
	Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga	Nguyễn Đình Chiểu	Truyện thơ
	Lục Vân Tiên gặp nạn	Nguyễn Đình Chiểu	Truyện thơ

b) Nêu những điểm phân biệt văn học dân gian với văn học viết.

**Bài làm:**

Văn học dân gian:

- Là sáng tác của tập thể nhân dân (sáng tác vô danh, mang tính tập thể)
- Khó xác định chính xác thời điểm ra đời
- Lưu truyền bằng hình thức truyền miệng, sau này được ghi chép lại
- Có tính không ổn định và thường có dị bản ở các vùng, miền khác nhau.
- Mang tính thực hành, nảy sinh trong sinh hoạt phục vụ cộng đồng và phục vụ trực tiếp cho sinh hoạt cộng đồng.
- Thể loại đặc trưng, văn học viết không lặp lại: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích.

Văn học viết:

- Sáng tác cá nhân (tính hữu danh, tính cá thể)
- Dễ xác định chính xác thời điểm ra đời
- Lưu truyền bằng văn tự (văn bản)
- Chỉ có một bản duy nhất, không có dị bản.

- Mang tính thường thức của cá nhân nghệ sĩ, nảy sinh do cảm hứng sáng tác.
- Thể loại khá phong phú: thơ, truyện, tiểu thuyết, tùy bút...

c) Nêu và phân tích một số dẫn chứng cho thấy tinh thần yêu nước là một nội dung nổi bật trong văn học Việt Nam qua các thời kì.

### **Bài làm:**

Tinh thần yêu nước là một nội dung nổi bật trong ba thời kì văn học: Chủ nghĩa yêu nước, tinh thần yêu nước luôn là đối tượng, nguồn cảm hứng cho sáng tác của nhiều tác giả:

– Thời trung đại ( thế kỉ X – XIX): thể hiện trong các áng thơ bất hủ: Sông núi nước Nam, phò giá về Kinh, Bình Ngô đại cáo, Hịch tướng sĩ, Thuật hoài...

– Đầu thế kỉ XX – CMT8 1945: thể hiện qua các tác phẩm của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Hồ Chí Minh...

– Sau cách mạng tháng Tám, tinh thần yêu nước thể hiện trong các tác phẩm: Làng, Lặng lẽ Sa Pa, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Những ngôi sao xa xôi, Đoàn thuyền đánh cá...

d) Nêu những biểu hiện của tư tưởng nhân đạo trong một tác phẩm tiêu biểu của văn học trung đại và một số tác phẩm văn học hiện đại:

### **Bài làm:**

- Thương cảm trước bi kịch và đồng cảm với khát vọng của con người. Khẳng định quyền sống của con người.
- Ca ngợi, khẳng định những giá trị tốt đẹp của con người ( tài năng, nhân phẩm)
- Lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo chà đạp lên con người.
- Đề cao truyền thống đạo lí, nhân nghĩa của dân tộc.
- Bảo vệ, bênh vực quyền sống, quyền hạnh phúc của con người, nhất là phụ nữ và trẻ em.
- Khẳng định con người cá nhân.

e) Hoàn thành phiếu học tập sau vào vở:

Các thể loại chính của văn học dân gian Định nghĩa

### **Bài làm:**

<b>Các thể loại chính của văn học dân gian</b>	<b>Định nghĩa</b>
Truyện thuyết	là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng, kì ảo. Truyện thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể.
Truyện cổ tích	Là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc: nhân vật bất hạnh, nhân vật dũng sĩ và có tài năng kì lạ, nhân vật thông minh và nhân vật ngốc nghếch, nhân vật là động vật. Thường có yếu tố hoang đường, thể hiện niềm tin của nhân dân về chiến thắng của cái thiện với cái ác, cái tốt với cái xấu, sự công bằng với bất công.
Truyện cười	là loại truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán những thói hư, tật xấu trong xã hội.
Truyện ngụ ngôn	là loại truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn lời về loài vật hoặc chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người nhằm khuyên nhủ, răn dạy người ta bài học nào đó trong cuộc sống.
Ca dao, dân ca:	Ca dao, dân ca:
Tục ngữ	Những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh thể hiện kinh nghiệm sống của nhân dân về mọi mặt, được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ, lời ăn tiếng nói hằng ngày.
Chèo	Loại kịch hát, mua dân gian, kể chuyện, diễn tích bằng hình thức sân khấu

f) Hoàn thành phiếu học tập sau vào vở: kể tên các truyện cổ tích mà em đã được học (hoặc đã đọc) có các loại nhân vật sau:

LOẠI NHÂN VẬT	TRUYỆN CỔ TÍCH
Nhân vật dũng sĩ	
Nhân vật có tài năng đặc biệt	
Nhân vật xấu xí	
Nhân vật ngốc nghếch.	

**Bài làm:**

LOẠI NHÂN VẬT	TRUYỆN CỔ TÍCH
Nhân vật dũng sĩ	Thạch Sanh
Nhân vật có tài năng đặc biệt	Em bé thông minh
Nhân vật xấu xí	Sọ dùa
Nhân vật ngốc nghếch.	Chàng Ngốc

g) Lấy bài thơ Qua đèo ngang của Bà Huyện Thanh Quan để minh họa các quy tắc về niêm luật của thơ Thất ngôn bát cú đường luật (vần, thanh bằng trắc trong từng câu; đối, niêm giữa các câu).

**Bài làm:**

	1	2	3	4	5	6
1	T	T	B	B	T	T
2	B	B	T	T	T	B
3	B	B	T	T	B	B
4	T	T	B	B	T	T
5	T	T	B	B	B	T
6	B	B	T	T	T	B
7	B	B	T	T	B	B
8	T	T	B	B	T	T

h) Hãy lấy một số câu ca dao và vài đoạn thơ trong truyện Kiều của Nguyễn Du để minh họa cho khả năng phong phú của thể thơ lục bát trong việc biểu hiện tâm trạng và kể chuyện, thuật việc.

**Bài làm:**

Đoạn thơ trong *Truyện Kiều* tiêu biểu cho việc biểu hiện tâm trạng:

Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,  
 Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng!  
 Ngại ngừng dọn gió e sương,  
 Ngừng hoa bóng thẹn trông gương mặt dày.  
 Mối càng vén tóc bắt tay,  
 Nét buồn như cúc điệu gầy như mai.

**Ca dao:**

Ai làm cho bướm lìa hoa  
 Cho chim xanh nở bay qua vườn hồng.

Ai làm bầu bí đứt dây

Chàng nam thiệp bắc gió tây lạnh lùng.

i) Chỉ ra sự khác nhau trong cách trần thuật, xây dựng nhân vật giữa một truyện ngắn hiện đại (ví dụ: Lão Hạc của Nam Cao, Bến quê của Nguyễn Minh Châu) và một truyện thời trung đại (ví dụ: Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng của Hồ Nguyên Trừng, Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ).

**Bài làm:**

Tiêu chí	Thầy thuốc giỏi cốt ở tấm lòng	Lão Hạc
Cách trần thuật	Kiểu hành trạng: tên tuổi, các việc làm, con cháu kế tục như thế nào	Biến hóa, đa dạng: châm đóm hút thuốc, rỗi kể chuyện bán khoán bán chó...
Ngôn ngữ của nhân vật	Thuật lại, các lời đối thoại cũng là thuật lại	Lời đối thoại: trực tiếp
Cách thức miêu tả	Việc miêu tả giản lược, hầu hết chỉ kể sự việc.	Miêu tả kĩ hình dáng, cử chỉ, ngôn ngữ, nội tâm nhân vật.
Mối quan hệ với các nhân vật khác	Được tạo lập trên cơ sở giải quyết tình huống	Nhân vật quan hệ với các nhân vật khác bằng hành động, thái độ, cách biểu lộ tình cảm
Điểm nhìn trần thuật	Tác giả	Biến hóa đa dạng giữa nhân vật: khi là ông giáo, khi là Lão Hạc

**II) Thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi**

**1. Những trường hợp cần viết thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi**

(1) Những trường hợp nào cần gửi thư (điện) chúc mừng và những trường hợp nào cần gửi thư (điện) thăm hỏi?

**Bài làm:**

Những trường hợp cần gửi thư (điện) chúc mừng: người thân, bạn bè ở xa nhân dịp sinh nhật hoặc có những niềm vui lớn (đạt giải cao trong thi cử, chuyển nhà mới, được phong tặng các danh hiệu cao quý,...).

Những trường hợp nào cần gửi thư (điện) thăm hỏi: Khi người thân, bạn bè ở xa gặp rủi ro, mất mát, ốm đau, người thân qua đời, gặp thiệt hại vì nơi ở xảy ra thiên tai

(2) Hãy kể thêm một số trường hợp cụ thể cần gửi thư (điện) chúc mừng hoặc thư (điện) thăm hỏi.

**Bài làm:**

Một số trường hợp cụ thể cần gửi thư (điện) chúc mừng hoặc thư (điện) thăm hỏi:

- Gửi thư, điện chúc mừng: mừng sinh nhật bạn, mừng đám cưới, chúc mừng người nhận được tặng thưởng, lên chức, khi bạn bè/ người thân đi thi và được giải cao...
- Gửi thư, điện thăm hỏi: chia buồn khi bạn bè, người thân bị bệnh, khi gặp thiệt hại vì nơi ở xảy ra thiên tai...

(3) Cho biết mục đích và tác dụng của thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi khác nhau như thế nào?

**Bài làm:**

(3) Khác nhau về mục đích:

Thư (điện) chúc mừng nhằm biểu dương, khích lệ những thành tích, sự thành đạt... của người nhận.

Thư (điện) thăm hỏi nhằm động viên, an ủi để người nhận cố gắng vượt qua những rủi ro hoặc khó khăn trong cuộc sống.

**2. Cách viết thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi**

a) Đọc các văn bản sau đây và trả lời câu hỏi.

- Nội dung của thư điện chúc mừng và thư (điện) hỏi thăm giống và khác nhau như thế nào?

**Bài làm:**

– Nội dung thư (điện) chúc mừng và thư (điện) thăm hỏi giống nhau và khác nhau là:

Giống nhau: Nội dung thư (điện) thường bao gồm:

- Lí do chúc mừng hoặc thăm hỏi.
- Bộc lộ những suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân khi nghe tin vui hoặc tin buồn của người nhận điện.
- Đầu có các nội dung họ tên, địa chỉ người gửi, người nhận.

Khác nhau:

- Thư (điện) bày tỏ sự chúc mừng, bộc lộ niềm vui của người gửi điện.
- Thư (điện) thăm hỏi thể hiện nỗi buồn, sự cảm thông của người gửi.

- Em có nhận xét về độ dài của thư (điện) chúc mừng và thư (điện) thăm hỏi?

### **Bài làm:**

Thư (điện) chúc mừng và thư (điện) thăm hỏi có dung lượng ngắn rất ngắn gọn, nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ, trọn vẹn nội dung.

- Lời văn của thư (điện) chúc mừng và thư (điện) thăm hỏi có điểm nào giống nhau?

### **Bài làm:**

Lời văn của thư điện chúc mừng và thư điện thăm hỏi có điểm giống nhau là đều ngắn gọn và súc tích.

b) Hãy cụ thể hoá các nội dung sau đây bằng những cách diễn đạt khác nhau:

- Lí do cần viết thư (điện) chúc mừng hoặc thăm hỏi.
- Suy nghĩ và cảm xúc của người gửi đối với tin vui hoặc nỗi bất hạnh, điều không may của người nhận.
- Lời chúc và mong muốn của người gửi.
- Lời thăm hỏi, chia buồn của người gửi

### **Bài làm:**

- Lí do cần viết thư (điện) chúc mừng hoặc thăm hỏi.
- + Nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11
- + Nhận được tin bạn mới lập gia đình...
- + Được biết bạn không đạt giải trong kì thi học sinh giỏi
- Suy nghĩ và cảm xúc của người gửi đối với tin vui hoặc nỗi bất hạnh, điều không mong của người nhận.
- + Em chân thành gửi lời chúc đến thầy (cô)



- + Mình rất vui mừng.
- + Mình rất lấy làm tiếc.
- Lời chúc và mong muốn của người gửi, lời thăm hỏi, chia buồn của người gửi.
- + Lời chúc sức khoẻ và hạnh phúc.
- + Chúc vợ chồng bạn hạnh phúc trăm năm.
- + Mong bạn nhanh chóng vượt qua nỗi buồn và dằn sức cho thắng lợi ở kì thi sắp tới.

c) Từ hai bài tập trên, em hãy cho biết nội dung chính của thư (điện) chúc mừng, thư (điện) thăm hỏi và cách thức diễn đạt trong các bức thư (điện) đó.

**Bài làm:**

- Nội dung thư (điện) cần phải nêu được lí do, lời chúc mừng/ lời thăm hỏi và mong muốn người nhận sẽ có những điều tốt lành.
- Cách thức diễn đạt: ngắn gọn, súc tích với tình cảm chân thành.

***C. Hoạt động luyện tập - Bài: Tổng kết phần văn học thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi***

**1. Tổng kết phần văn học**

a) Đọc lại mục lục các văn bản trong sách giáo khoa Ngữ văn từ lớp 6 đến lớp 9 và làm bảng thống kê theo mẫu dưới đây:

<b>Văn học dân gian</b>	<b>Văn học trung đại</b>	<b>Văn học hiện đại</b>
1. Truyện	1. Truyện, kí	1. Truyện, kí
- Truyền thuyết	2. Thơ	2. Tùy bút
- Cổ tích	3. Truyện thơ	3. Thơ
- Truyện cười	4. Văn nghị luận	4. Kịch
- Truyện ngụ ngôn		5. Văn nghị luận
2. Ca dao – dân ca		

3. Tục ngữ		
4. Sân khấu (chèo)		

**Bài làm:**

<b>Văn học dân gian</b>	<b>Văn học trung đại</b>	<b>Văn học hiện đại</b>
<p>1. Truyện</p> <p>- Truyền thuyết (Con Rồng cháu Tiên; Bánh chưng bánh giày; Thánh Gióng; Sơn Tinh, Thủy Tinh)</p> <p>- Cổ tích (Sọ Dừa, Thạch Sanh, Em bé thông minh)</p> <p>- Truyện cười (Treo biển; Lợn cưới, áo mới)</p> <p>- Truyện ngụ ngôn (Thầy bói xem voi; Đeo nhạc cho mèo; Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng;Ếch ngồi đáy giếng)</p> <p>2. Ca dao – dân ca</p> <p>Những câu hát về tình cảm gia đình; Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người; Những câu hát than thân, Những câu hát châm biếm.</p> <p>3. Tục ngữ</p> <p>Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất; Tục ngữ về con người và xã hội.</p> <p>4. Sân khấu (chèo)</p>	<p>1. Truyện, kí</p> <p>Con hổ có nghĩa; thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng; Chuyện người con gái Nam Xương; Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh, Hoàng Lê nhất thống chí.</p> <p>2. Thơ</p> <p>Sông núi nước Nam, Phò giá về kinh, Thiên Trường vãn vọng, Bài ca Côn Sơn, Sau phút chia li, Bánh trôi nước, Qua đèo Ngang, Bạn đến chơi nhà.</p> <p>3. Truyện thơ</p> <p>Truyện Kiều, Truyện Lục Vân Tiên</p> <p>4. Văn nghị luận</p> <p>Chiếu dời đô, Hịch tướng sĩ, Nước Đại Việt ta (trích Bình Ngô đại cáo), Bàn luận về phép học.</p>	<p>1. Truyện, kí</p> <p>Dế Mèn phiêu lưu kí; Đất rừng phương Nam; Quê nội; Bức tranh của em gái tôi; Sống chết mặc bay, Những trò lố hay là Va – ren và Phan Bội Châu; Tôi đi học, Trong lòng mẹ, Tức nước vỡ bờ, Lão Hạc, Làng, Lặng lẽ Sa Pa, Chiếc lược ngà, Bến quê, Những ngôi sao xa xôi.</p> <p>Kí: Cô Tô, Lao xao.</p> <p>2. Tùy bút</p> <p>Cây tre Việt Nam, Một thứ quà của lúa non: Cốm, Sài Gòn tôi yêu, Mùa xuân của tôi.</p> <p>3. Thơ</p> <p>Lượm, Đêm nay Bác không ngủ, Mưa, Cảnh khuya, Rằm tháng giêng, Tiếng gà trưa, Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác, Đập đá ở Côn Lôn, Muốn làm thằng Cuội, tức cảnh Pác Bó, Ngắm trăng, Đi đường, Nhớ rừng, Ông đồ, Quê hương, Khi con tu hú, Từ ấy, Đồng chí, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Đoàn thuyền đánh cá, Bếp lửa, Vội vàng, Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ, ánh trăng, con cò, mùa xuân nho nhỏ, viếng lăng bác, sang thu, nói với con...</p> <p>4. Kịch</p> <p>Bác Sơn, Tôi và chúng ta.</p> <p>5. Văn nghị luận</p>

Quan Âm Thị Kính		Thuế máu, tiếng nói của văn nghệ, chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới.
------------------	--	---

b) Ghi lại vào vở định nghĩa về các thể loại văn học dân gian theo mẫu:

<b>Truyện thuyết</b>	<b>Truyện cổ tích</b>	<b>Truyện cười</b>	<b>Truyện ngụ ngôn</b>	<b>Ca dao – dân ca</b>	<b>Tục ngữ</b>	<b>Chèo</b>
--------------------------	---------------------------	------------------------	----------------------------	----------------------------	--------------------	-------------

**Bài làm:**

Truyện thuyết	Truyện cổ tích	Truyện cười	Truyện ngụ ngôn	Ca dao – dân ca	Tục ngữ	Chèo
là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng, kì ảo. Truyện thuyết thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể.	Là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc: nhân vật bất hạnh, nhân vật dũng sĩ và có tài năng kì lạ, nhân vật thông minh và nhân vật ngốc nghếch, nhân vật là động vật. Thường có yếu tố hoang đường, thể hiện niềm tin của nhân dân về chiến thắng của cái thiện với cái ác, cái tốt với cái xấu, sự công bằng với bất công.	là loại truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán những thói hư, tật xấu trong xã hội.	là loại truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn lời về loài vật hoặc chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người nhằm khuyên nhủ, răn dạy người ta bài học nào đó trong cuộc sống.	Các thể loại trữ tình dân gian, kết hợp lời và nhạc, diễn tả đời sống nội tâm của con người.	Những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh thể hiện kinh nghiệm sống của nhân dân về mọi mặt, được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ, lời ăn tiếng nói hằng ngày.	Loại kịch hát, mua dân gian, kể chuyện, diễn tích bằng hình thức sân khấu

c) Ghi tên các tác phẩm trung đại đã học trong chương trình Ngữ văn THCS vào vở theo mẫu dưới đây:

Tác phẩm Thể loại

**Bài làm:**

<b>Tác phẩm</b>	<b>Thể loại</b>
Con hổ có nghĩa	Truyện ngắn
Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng	Truyện ngắn
Sông núi nước Nam	Thơ thất ngôn tứ tuyệt
Phò giá về kinh	Thơ ngũ ngôn tứ tuyệt
Thiên Trường vãn vọng	Thơ thất ngôn tứ tuyệt
Côn Sơn Ca	Thơ lục bát
Chiều dời đô	Chiếu
Hịch tướng sĩ	Hịch
Bình Ngô đại cáo	Cáo
Bàn luận về phép học	Tấu
Chuyện người con gái Nam Xương	Truyện ngắn
Chuyện cũ trong phủ chú Trịnh	Tùy bút
Hoàng Lê nhất thống chí	Tiểu thuyết
Sau phút chia li	Thơ song thất lục bát
Bánh trôi nước	Thơ tứ tuyệt
Qua Đèo Ngang	Thơ thất ngôn bát cú
Bạn đến chơi nhà	Thơ thất ngôn bát cú
Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác	Thơ thất ngôn bát cú
Đập đá ở Côn Lôn	Thơ thất ngôn bát cú
Muốn làm thằng Cuội	Thơ thất ngôn bát cú
Hai chữ nước nhà	Song thất lục bát
Chị em Thúy Kiều	Truyện thơ
Cảnh ngày xuân	Truyện thơ
Kiều ở lầu Ngưng Bích	Truyện thơ
Mã Giám Sinh mua Kiều	Truyện thơ
Thúy Kiều báo ân báo oán	Truyện thơ
Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga	Truyện thơ
Lục Vân Tiên gặp nạn	Truyện thơ